

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày: 28 – 9 – 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thừa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lam Minh Tâm

2. Ông Lê Minh Thật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Trụ sở chính: số xyz, THĐ, phường C, quận K, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm SD - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Lê Hoàng T - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Phòng giao dịch Long Mỹ chi nhánh Hậu Giang.

**- Bị đơn:**

1. Anh Sơn V, sinh năm 1981

2. Chị Thị B, sinh năm 1979

Cùng cư trú tại: Ấp Q, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày:*

Ngày 20/4/2020 anh Sơn V, chị Thị B có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD803202000748 và khế ước nhận nợ số 803202000748/01 ngày 20/4/2020 với số tiền 50.000.000đ. Mục đích vay: Trồng lúa, nuôi heo. Thời hạn vay: 05 tháng, kể từ ngày 20/4/2020 đến ngày 18/9/2020. Lãi suất cho vay là 13%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Phương thức thanh toán: Trả lãi và gốc cuối kỳ ngày 18/9/2020.

Hợp đồng vay không có thế chấp bằng tài sản nhưng anh Sơn V có ký gửi cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00461 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 07/06/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00845 do Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ cấp ngày 12/01/2012 cho ông Sơn V. Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay anh Sơn V, chị Thị B đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như tiền lãi, hiện số nợ đã quá hạn từ ngày 19/9/2020.

Tại phiên tòa, Ngân hàng B yêu cầu anh Sơn V, chị Thị B phải trả các khoản tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2021 là 62.515.242đ. Trong đó tiền vốn gốc 49.999.980đ, lãi trong hạn 2.498.143đ, lãi quá hạn 10.017.119đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng trên tổng số nợ gốc cho đến ngày anh Sơn V, chị Thị B thanh toán dứt nợ.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Sơn V, chị Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu anh Sơn V, chị Thị B trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Sơn V, chị Thị B đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:*

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ; qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Ngân hàng B và anh Sơn V, chị Thị B có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD803202000748 vào ngày 20/4/2020. Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 803202000748/01 ngày 20/4/2020 thì Ngân hàng đã giải ngân cho anh Sơn V và chị Thị B số tiền vốn gốc 50.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, anh Sơn V và chị Thị B không trả lãi cũng như vốn gốc đúng hạn cho phía Ngân hàng, khoản vay này đã quá hạn từ ngày 19/9/2020. Khi khoản vay đến hạn Ngân hàng đã thông báo cũng như liên hệ nhiều lần với anh Sơn V và chị Thị B nhưng anh chị vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật khác có liên quan. Anh Sơn V, chị Thị B đã vay tiền của Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Việc anh Sơn V, chị Thị B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh Sơn V và chị Thị B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 62.515.242đ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu anh Sơn V, chị Thị B trả số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận xem xét.

[3.2]. Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng, xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng thì thỏa thuận lãi suất trong hạn 13%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, không vi phạm pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu anh Sơn V, chị Thị B trả lãi là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh Sơn V, chị Thị B còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 49.999.980đ, lãi trong hạn 2.498.143đ, lãi quá hạn 10.017.119đ.

[3.3]. Vì vậy, có cơ sở buộc anh Sơn V, chị Thị B phải trả cho Ngân hàng B số vay còn nợ 62.515.242đ; trong đó, vốn gốc 49.999.980đ, lãi trong hạn 2.498.143đ, lãi quá hạn 10.017.119đ.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Sơn V, chị Thị B phải chịu 3.125.762đ án phí dân sự sơ thẩm là. Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Buộc anh Sơn V, chị Thị B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ 62.515.242đ (sáu mươi hai triệu năm trăm mười lăm nghìn hai trăm bốn hai đồng); trong đó, tiền vốn gốc 49.999.980đ (bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi đồng); lãi trong hạn: 2.498.143đ (hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn một trăm bốn mươi ba đồng), lãi quá hạn 10.017.119đ (mười triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm mười chín đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Anh Sơn V, chị Thị B phải chịu 3.125.762đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại 1.426.000đ (một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006819 lập ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Ngô Thừa**